



UNIT 1: TOWNS AND CITIES



THEORY

► GRAMMAR (NGŨ PHÁP)

2. Definite and zero article

a. Cách dùng mạo từ "the"

"The" được dùng trước danh từ số ít và danh từ số nhiều khi danh từ đó đã được xác định.

Ví dụ: The dog that bit me ran away.

I was happy to see the policeman who saved my cat.

I saw the elephant at the zoo.

Lưu ý: trong những trường hợp sau ta dùng One mà không dùng a/an

- Trong sự so sánh đối chiếu với "another" hay "other" (s).

Ví dụ: One boy wants to play football, but the others want to play volleyball.

(Một cậu thì thích chơi bóng đá nhưng những cậu khác lại thích chơi bóng rổ.)

- Dùng One day với nghĩa: một ngày nào đó.

Ví dụ: One day I'll meet her again.

(Một ngày nào đó mình sẽ gặp lại cô ấy.)

- Dùng với hundred và thousand khi ta muốn thông báo một con số chính xác.

Ví dụ: How many are there? About a hundred? - Exactly one hundred and three.

(Có bao nhiêu? Khoảng một trăm phải không? Chính xác là một trăm linh ba.)

- Ta dùng only one và just one.

Ví dụ: We have got plenty of sausages, but only one egg.

(Chúng ta có rất nhiều xúc xích nhưng chỉ còn một quả trứng.)

b. Không được dùng mạo từ "the"

- Không dùng mạo từ cho danh từ ý chung chung như: việc bơi lội (swimming), đồ ăn (food),...

- Tên hồ, tên ngọn núi, chòm sao,...

c. Tóm tắt chi tiết cách dùng mạo từ "the"

No.	Có "the"	Không "the"
1	Tên các đại dương, sông ngòi, biển, vịnh và các hồ (ở hình thức số nhiều Eg: The Red Sea, the Great Lakes (quần thể hồ Great).....	Tên một hồ Eg: Guom lake, Nui Coc Lake....
2	Tên dãy núi Eg: the Rocky Mountains, the Himalya Mountains....	Ngọn núi, đỉnh núi Eg: Mount Fansipan, ...

3	Những vật duy nhất trong vũ trụ hoặc trên thế giới Eg: The Sun, The earth/ Earth	Tên hành tinh, tên chòm sao (trừ Trái Đất) Eg: Venus, Mars.....
4	The + schools/ colleges/ universities+ of+ danh từ riêng Eg: The University of Ho Chi Minh The school of An nghĩa	Tên riêng+ schools, colleges, universities Eg: Sai Gon University An nghĩa school
5	The+ STT+ N Eg: the first chapte	N+ số đếm Eg: Chapter one
6	Cuộc chiến tranh khu vực được tính từ hoá Eg: The Vietnamese War	
7	Tên các nước có HAI từ trở lên (trừ GREAT BRITAIN) + The United States of America + The United Kingdom + The Netherlands + The Philippines Tên nước được coi là một quần đảo hoặc một đảo	Tên các nước mở đầu bằng NEW____, hoặc có TÍNH TỪ CHỈ HƯỚNG, hoặc chỉ có một từ Eg: North Korea, ... Tên các lục địa, tỉnh, tiểu bang, thành phố, xã (phường), quận (huyện).
8	Các tài liệu hoặc sự kiện lịch sử Eg: the Harmand (1884), The Declaration of the Rights of Man and of the Citizen (French: Déclaration des droits de l'homme et du citoyen de 1789,.....	
9	Các nhóm dân tộc thiểu số Eg: The Thais, The Muongs,..... The Thai, The H-Mong,.....	
10		Môn thể thao
11		Danh từ trừu tượng (trừ trường hợp đặc biệt)
12	Môn học cụ thể (các học phần cụ thể của ngành-môn học) Eg: The British-American Studies, the English Oral Proficiency Intermediate 1, the phonetics and phonology in English linguistics....	Môn học (chung chung) Eg: English, Literature,.....
13		Tên các ngày lễ, tết Eg: Thanksgiving, Easter, Christmas, ...
14	Nhạc cụ (nói chung/ chơi các nhạc cụ đó) Eg: play the violin, play the piano... The violin is difficult to play	Loại hình nhạc của các hình thức âm nhạc cụ thể. Eg: To perform jazz on trumpet and piano, ...